

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

Số: 216/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 502/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1. Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Khu tái định cư xã Đ, đường Đ, tổ D, khu A, ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Căn cước công dân số 046098000002 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15 tháng 09 năm 2022.

2. Chị **Triệu Thị Bằng N**, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Khu tái định cư xã Đ, đường Đ, tổ D, khu A, ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Căn cước số 091300017579 do Bộ C cấp ngày 17 tháng 11 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Bằng N và anh Nguyễn Ngọc T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống

nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2022. Khi ly hôn, thống nhất thoả thuận giao cháu V cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động theo quy định của pháp luật; tạm thời chị Triệu Thị Bằng N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh T1 và chị N xác định tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T1 và chị N xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh T1 và chị N nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Bằng N và anh Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2022. Khi ly hôn, giao cháu V cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động theo quy định của pháp luật; tạm thời chị Triệu Thị Bằng N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Triệu Thị Bằng N và anh Nguyễn Ngọc T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007168 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Nơi ĐKKH (UBND phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – nay là UBND phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh CNKH số 55/2022);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Vũ Bảo